

THỰC TRẠNG CHUỖI CUNG ỨNG LÚA GẠO ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

THE PRACTICE OF THE SUPPLY CHAIN OF RICE IN MEKONG DELTA

Võ Văn Thanh, Lê Ngọc Quỳnh Lam, Nguyễn Thị Kim Phô

Khoa Cơ khí, Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG - HCM - Email: vvthanhise@hcmut.edu.vn

(Bài nhận ngày 12 tháng 03 năm 2015, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 29 tháng 05 năm 2015)

TÓM TẮT

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) - một trong những đồng bằng rộng lớn, phì nhiêu nhất khu vực Đông Nam Á, một vùng sản xuất, xuất khẩu lương thực nhiều nhất Việt Nam, đặc biệt là lúa gạo. Với những ưu đãi về thiên nhiên, con người, đất đai, cùng với việc tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong gieo trồng và sản xuất thì sản lượng lúa gạo ĐBSCL ngày càng gia tăng, đảm bảo ổn định lương thực cho cả nước. Tuy nhiên, trước những khó khăn và tình hình cạnh tranh hiện nay, việc đảm bảo ổn định cuộc sống cho người nông dân và tăng cường năng lực cạnh tranh là điều cần thiết. Nhiều chương trình, chính sách được xem xét và thực hiện; tuy nhiên, kết quả cải thiện không đáng kể. Một giải pháp đang được quan tâm và nhiều nghiên cứu hiện nay là tích hợp chuỗi cung ứng lúa gạo. Tuy nhiên, để ứng dụng các phương pháp khoa học trong quản lý và vận hành chuỗi cung ứng lúa gạo, cần thiết phải nắm được thực trạng hiện nay của vùng. Từ đó, bài báo tạo nền tảng cho các nghiên cứu ứng dụng công cụ, mô hình toán học để việc giải quyết các thực trạng tồn đọng trong chuỗi cung ứng lúa gạo Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: Đồng bằng sông Cửu Long, chuỗi cung ứng, lúa gạo, phân tích thực trạng,...

ABSTRACT

Mekong (Cuu Long) Delta is one of the largest and most fertile in South East Asia. It is also the region with the largest food production and export in Vietnam, especially rice. Thanks to endowment of natural conditions, human, land and the increased application of advanced technology in the cultivation and production, Mekong Delta has produced higher and higher volume of rice, ensuring the food safety for the whole country. Faced with difficulties and more fierce competition, however, it is necessary to ensure a more stable life for farmers and increase the competitiveness of this region. Many programs and policies have been implemented yet no significant results have been achieved. A solution which captures the concern of researchers is the supply chain of rice. To successfully apply scientific methods in managing and operating supply chain of rice, understanding the practice of the region is of importance. Therefore, this paper aims to provide a basis for the application of tools and mathematical models to solve problems of the supply chain of rice in Mekong Delta.

Keyword: Mekong Delta, supply chain, rice, analysis of the practice,...

1. GIỚI THIỆU

Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) là vựa lúa lớn nhất Việt Nam, cung cấp hơn 50% sản lượng tiêu dùng và trên 90% sản lượng xuất khẩu cả nước (Bùi Thủy, 2014). Sản lượng lúa tăng dần qua các năm từ 1989 đến nay; tuy nhiên, giá trị thu được không tương xứng. Điều đó, làm cho cuộc sống người nông dân ĐBSCL có nhiều phần khó khăn.

Một trong những nguyên nhân làm giảm giá trị sản xuất lúa gạo là sự lãng phí, hao hụt trong các khâu gặt, phơi, sấy, tách vỏ,... Bên cạnh đó, những biến động trong giá thu mua, tình hình xuất khẩu khó khăn trước sự cạnh tranh của Thái Lan, Ấn Độ... sản xuất không theo nhu cầu thị trường về sản lượng và chất lượng... Những điều trên đã ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất lúa gạo tại ĐBSCL.

Nhiều biện pháp đã được thực hiện nhằm cải thiện tình trạng trên như chính sách liên kết bốn nhà; chính sách đảm bảo đầu ra; chương trình cánh đồng mẫu lớn... Tất cả những giải pháp đang dần hoàn thiện để tiến tới giải pháp tích hợp chuỗi cung ứng lúa gạo. Tuy nhiên, để hoàn thiện và đưa các công cụ, phương pháp khoa học vào thực tiễn quản lý và vận hành chuỗi cung ứng cần phải có những phân tích, đánh giá xác đáng thực trạng sản xuất lúa gạo tại ĐBSCL hiện nay. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu sẽ giúp các tác nhân tham gia vào chuỗi cung ứng như người nông dân, bộ phận thương lái, các nhà máy xay xát, các công ty lương thực... có cái nhìn tổng quát về vai trò, lợi ích và những tổn thất của mình trong quá

trình cung ứng sản phẩm lúa gạo. Từ đó, ngay chính trong các tác nhân sẽ hình thành các giải pháp thiết thực để cùng nâng cao năng lực vận hành chuỗi cung ứng hiện tại, bên cạnh các giải pháp của Nhà nước và các nhà nghiên cứu hiện nay.

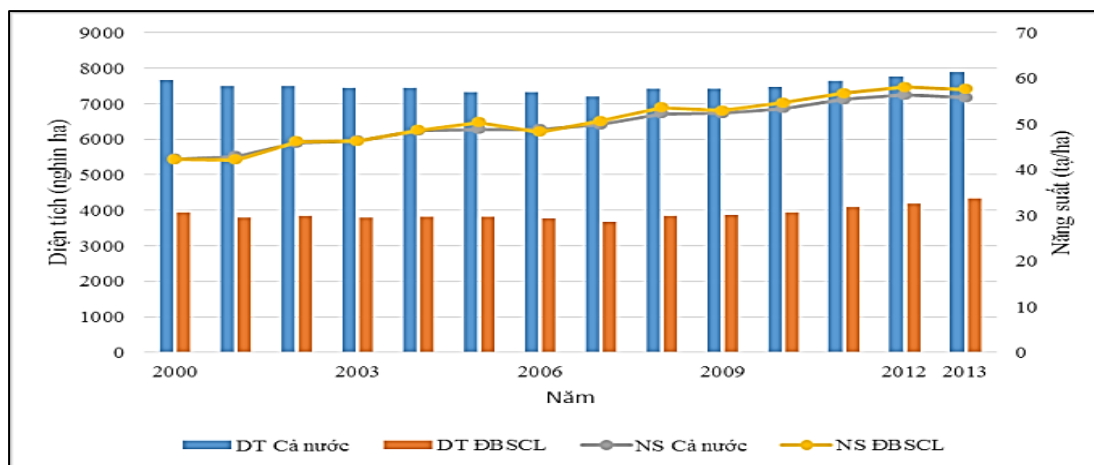
Trước khi đi vào phân tích thực trạng chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL, thì đặc trưng sản xuất lúa gạo ở ĐBSCL và các khái niệm liên quan đến chuỗi cung ứng, phương pháp phân tích hệ thống được trình bày ở phần tiếp theo sau đây. Ở phần ba của bài báo, tác giả tiến hành phân tích thực trạng của từng mắt xích tham gia vào chuỗi cung ứng. Cuối cùng, một số vấn đề tồn đọng trong chuỗi cung ứng và các giải pháp liên quan đến quản lý vận hành được trình bày trong phần bốn. Kết quả nghiên cứu, hạn chế của đề tài và các hướng nghiên cứu tiếp theo sẽ được thảo luận ở phần năm.

2. CHUỖI CUNG ỨNG LÚA GẠO

2.1. Đặc trưng sản xuất lúa gạo ở ĐBSCL

ĐBSCL có diện tích đất trồng lúa chiếm 57.63% tổng diện tích đất nông nghiệp. Với diện tích đó, năng suất trung bình hằng năm của 12 tỉnh ĐBSCL là 66,9 tạ/ha (Tổng cục thống kê, 2014). Để đạt được năng suất đó, ĐBSCL đã áp dụng nhiều cải tiến về giống lúa, áp dụng cơ giới hóa trong các khâu gieo trồng, thu hoạch và xử lý... góp phần nâng sản lượng của vùng từ 4,2 triệu tấn năm 1976 lên đến 44,9 triệu tấn năm 2014.

Sự gia tăng năng suất lúa của ĐBSCL giai đoạn 2000 - 2013 được thể hiện trong hình 1.



Hình 1. Diện tích và năng suất lúa ĐBSCL giai đoạn 2000 - 2013 so với cả nước

Nguồn: Tổng cục thống kê (2013)

Hiện tại, ĐBSCL luân canh ba vụ mỗi năm; tuy nhiên, sản lượng tập trung nhiều ở vụ Đông Xuân và Hè Thu (Nguyễn Văn Sơn, 2013). Các vụ mùa còn lại chủ yếu thuộc bán đảo Cà Mau để cung cấp gạo chất lượng cao cho xuất khẩu (800.000 tấn/năm).

Phần lớn, nông dân ĐBSCL canh tác nhỏ lẻ trên diện tích đất riêng của gia đình qua nhiều thế hệ (64.5% có diện tích dưới 0.5 ha). Mặc dù đã thực hiện nhiều cải tiến về giống, áp dụng cơ giới hóa trong gieo trồng; tuy nhiên, tỷ lệ này chưa cao và không đồng đều trong các khâu. Tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất cao nhất trong khâu tuốt lúa (90%); trong khi đó, khâu chăm sóc lúa hầu như hoàn toàn thủ công. Điều đó, cho thấy người nông dân vẫn phải bỏ nhiều công sức, thời gian cho hoạt động nông nghiệp. Bên cạnh đó, chất lượng và sự đồng bộ của hạt lúa phụ thuộc vào sự đồng nhất của các khâu như làm đất, gieo sạ, tưới tiêu và chăm sóc... nên thực trạng trên đã ảnh hưởng nhiều đến chất lượng hạt lúa khi thu hoạch và tỷ lệ tổn thất giữa các khâu trong quá trình gieo trồng lúa vẫn còn cao. Năm 2011, tổng tỷ lệ tổn thất là 13.7 %; tuy nhiên vẫn còn rất cao so với Nhật Bản chỉ có 5% và Ấn Độ là 6%. Theo số

liệu thống kê từ Viện Nghiên cứu phát triển Đồng bằng sông Cửu Long năm 2011 thì tỷ lệ tổn thất giữa các khâu được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Tổn thất các khâu sau thu hoạch lúa

Khâu	Tỷ lệ tổn thất
Thu gom	3%
Phơi sấy	4.2%
Xay xát	3%
Bảo quản	2.6%
Vận chuyển	0.9%
Tổng tổn thất	13.7%

Nguồn: Viện NCPT Đồng bằng sông CL, 2011

Ở các khâu thu gom, phơi sấy và xay xát do mức độ cơ giới hóa không đồng đều và nguồn cung của các thiết bị không đủ nhu cầu nên các giải pháp thủ công được sử dụng đã gây ra nhiều lãng phí và ảnh hưởng đến chất lượng hạt lúa sau thu hoạch.

Trong giai đoạn bảo quản và vận chuyển thì một hạn chế của hạt gạo ĐBSCL nói riêng và Việt Nam nói chung là thời gian lưu trữ trung bình chỉ từ 3 đến 6 tháng. Nếu thời gian dự trữ

hạt lúa kéo dài từ 1 đến 2 năm thì khi đưa vào xay xát sẽ cho ra gạo với chất lượng tốt hơn so với gạo chế biến từ lúa mới. Lúa gạo được lưu trữ trong bao tải từ 25 - 50kg/bao tại các hệ thống kho với quy mô nhỏ và các thiết bị bốc xếp thủ công. Một số nhà kho lớn với lượng tồn trữ khoảng 70.000 tấn có kết hợp đường ống dẫn lúa và hệ thống cân đo tự động nhưng không đáp ứng đủ nhu cầu và ít được sử dụng cho chi phí vận hành cao. Tại ĐBSCL lúa gạo được vận chuyển chủ yếu là đường thủy do địa hình sông ngòi dày đặc, chỉ hơn 10% là vận chuyển đường bộ. Lúa gạo vận chuyển có quy cách giống như dự trữ, chủ yếu là đóng bao tải và bốc xếp thủ công nên tỷ lệ hao hụt khá nhiều.

Đầu ra lúa gạo của ĐBSCL chủ yếu cung cấp cho thị trường xuất khẩu với hơn 70% tổng sản lượng cả nước. Tuy nhiên, giá gạo xuất khẩu bình quân thường thấp (so với Thái Lan gần 30%) hơn các nước khác, do gạo xuất khẩu chưa đạt chất lượng cao và không có thương hiệu riêng. Đây cũng là vấn đề đang được quan tâm trong chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL hiện nay. Đầu ra cuối cùng của chuỗi phụ thuộc vào việc gia tăng giá trị từ giống đến hạt lúa và cuối cùng là gạo tiêu dùng và xuất khẩu. Một loạt các hoạt động trong từng mắt xích của chuỗi cung ứng cần phải được phân tích, đánh giá và xây dựng chiến lược kết nối để nâng cao chất lượng gạo đầu ra cũng như chuỗi cung ứng.

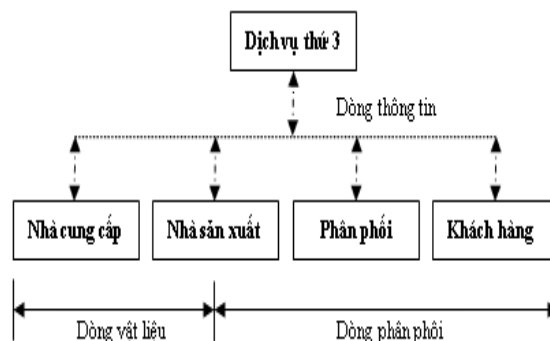
2.2. Chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL

2.2.1. Khái niệm chuỗi cung ứng

Chuỗi cung ứng là một mạng lưới các tổ chức/ tác nhân có sự kết nối và phụ thuộc lẫn nhau để cùng hợp tác làm việc, kiểm soát, quản lý và cải thiện dòng chảy của vật liệu và thông tin từ các nhà cung cấp cho đến khách hàng cuối cùng (Christopher, 2010).

Theo Min và Zhou (2002) thì hệ thống tích hợp chuỗi cung ứng là sự kết nối của nhiều hoạt

động, quá trình kinh doanh có liên quan đến nhau để tạo ra sản phẩm cuối cùng như hoạt động mua sắm nguyên vật liệu; hoạt động thêm giá trị gia tăng bằng quá trình chuyển đổi nguyên vật liệu thành sản phẩm cuối cùng; hoạt động thêm giá trị gia tăng về thời gian và không gian qua hoạt động lưu trữ, vận chuyển; hoạt động tổ chức trao đổi thông tin giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng. Một chuỗi cung ứng cơ bản được minh họa như hình 2.



Hình 2. Mô hình chuỗi cung ứng cơ bản

Nguồn: Dong - Ping Song (2013)

Dưới quan điểm Tác giả thì chuỗi cung ứng là một tập hợp các giải pháp nhằm tác động đến hoạt động của tất cả các tác nhân tham gia chuỗi như nhà cung cấp, nhà sản xuất, nhà kho, các công ty cung cấp dịch vụ, và các cửa hàng bán lẻ,... để sản phẩm được sản xuất và phân phối đúng như mong muốn của khách hàng và tổ chức. Quan điểm trên, phù hợp cho các nghiên cứu ứng dụng về chuỗi cung ứng, tập trung vào các công cụ, phương pháp như tối ưu hóa, sản xuất tinh gọn, quản lý nhà kho... để giải quyết các bài toán liên quan đến chuỗi cung ứng. Trong khi đó khái niệm chuỗi cung ứng của Min và Zhou (2002) thì đề cập đến các quá trình gia tăng giá trị trong chuỗi cung ứng hơn là gắn trực tiếp các quá trình vào từng đối tượng trong chuỗi. Điều đó sẽ gây khó khăn cho việc phân tích thực trạng chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL theo từng tác nhân tham gia vào chuỗi.

2.2.2. Chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL

Chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL về cơ bản đã hình thành từ rất lâu, các hoạt động gieo trồng, thu mua, xay xát, vận chuyển, lưu trữ... vẫn diễn ra, nhưng vấn đề xây dựng các mối quan hệ, chia sẻ thông tin và rủi ro giữa các thành viên trong chuỗi để đạt được lợi ích tốt nhất thì chưa được thực hiện và quan tâm. Do đó, các nghiên cứu đề cập đến chuỗi cung ứng lúa gạo nhằm mục đích đánh giá và đề xuất các giải pháp liên quan đến việc tích hợp các tác nhân trong chuỗi cung ứng lúa gạo.

Có thể khái quát chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL gồm bốn giai đoạn như sau: (1) sản xuất, (2) vận chuyển, (3) chế biến và (4) tiêu thụ; trong đó, các tác nhân tham gia vào từng hoạt động bao gồm: nông dân, thương lái, các nhà máy xay xát, lau bóng, và công ty lương thực.

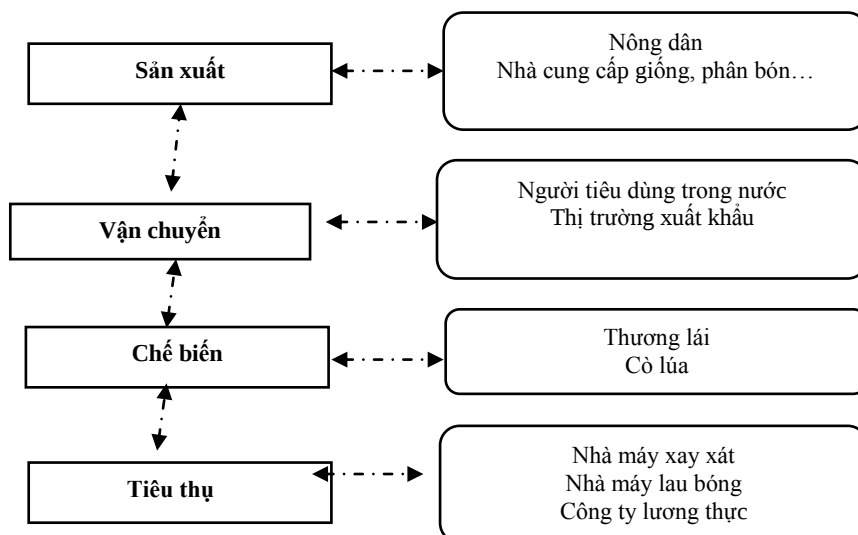
Một số mô hình chuỗi cung ứng đã được nghiên cứu và phân tích như sau:

[1]. Mô hình chuỗi giá trị lúa gạo vùng ĐBSCL của Võ Thị Thanh Lộc, Nguyễn Phú Sơn, 2011. Trong nghiên cứu này, tác giả đã phân tích giá trị lúa gạo qua từng mắt xích trong chuỗi dưới dạng % sản lượng tiêu thụ. Nghiên cứu chỉ ra rằng, chuỗi cung ứng lúa gạo ở ĐBSCL còn qua rất nhiều khâu trung gian, đã làm cho giá trị gia tăng của toàn chuỗi thấp. Hạn chế của nghiên cứu là chỉ tập trung vào các chỉ số chi phí và sản lượng để đánh giá, chưa đi sâu vào xác định nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên ở từng mắt xích.

[2]. Mô hình chuỗi cung ứng lúa gạo xuất khẩu của TS. Nguyễn Văn Sơn, 2013. Theo nghiên cứu này thì có hai kiểu vận hành của mô

hình chuỗi cung ứng đó là: (1) Công ty xuất nhập khẩu lương thực thu mua gạo thô từ các tác nhân trong chuỗi như thương lái, nông dân, nhà máy xay xát, sau đó tái chế gạo thành phẩm xuất khẩu. (2) Công ty xuất nhập khẩu lương thực quy hoạch vùng nguyên liệu, xây dựng vùng gieo trồng đặc chuẩn để phục vụ thị trường xuất khẩu. Nhìn chung, mô hình chuỗi cung ứng cũng qua bốn giai đoạn và tác nhân tham gia như các phân tích trên.

Mô hình chuỗi giá trị lúa gạo ĐBSCL [1] đã là nền tảng cho nhiều nghiên cứu về chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL hiện nay vì tính tin cậy của số liệu và những phân tích chi phí liên quan; tuy nhiên trong nghiên cứu này, Tác giả đề xuất mô hình chuỗi cung ứng qua bốn giai đoạn cùng tác nhân tham gia như hình 3. Mô hình chuỗi cung ứng đề xuất đã dựa trên các quá trình gia tăng giá trị trong chuỗi cung ứng theo quan điểm của Min và Zhou (2002) đã đề cập ở trên; tuy nhiên để khắc phục những hạn chế của mô hình, tác giả đã tích hợp kết quả nghiên cứu chuỗi giá trị lúa gạo ĐBSCL [1] là đã xác định rõ ràng các tác nhân tham gia trực tiếp vào chuỗi. Từ hai sự kế thừa và liên kết trên, mô hình chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL ở hình 3 vẫn đảm bảo đầy đủ các quá trình và tác nhân tham gia vào chuỗi. Đồng thời mô hình sẽ thuận tiện cho việc phân tích hiện trạng tại từng mắt xích. Với mục tiêu đề xuất giải pháp tích hợp chuỗi cung ứng, nên mô hình này sẽ phù hợp cho mục đích nghiên cứu. Riêng mô hình chuỗi cung ứng lúa gạo xuất khẩu [2], sẽ được sử dụng như một tài liệu tham khảo cho việc đề xuất các giải pháp liên quan đến quy hoạch vùng nguyên liệu cho chuỗi cung ứng hơn là xây dựng mô hình nghiên cứu.

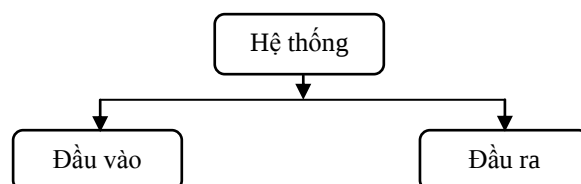


Hình 3. Mô hình chuỗi cung ứng nghiên cứu

2.2.3. Phân tích thực trạng theo lý thuyết hệ thống

Hệ thống là một tập hợp các thực thể hay bộ phận có mối quan hệ tương tác lẫn nhau để

cùng thực thi một mục đích (William N.S, 2010). Các thành phần cơ bản của một hệ thống được thể hiện như hình 4.



Hình 4. Thành phần cơ bản của hệ thống

Theo đó hiệu quả của hệ thống được đánh giá dựa trên khả năng gia tăng giá trị đầu ra từ đầu vào của hệ thống, cũng như các hình thức và tốc độ biến đổi đầu vào thành đầu ra (ICOSE, 2004).

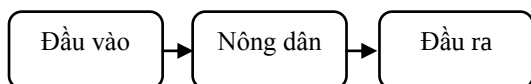
Với quan điểm trên, thì chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL được xem như là một hệ thống với các thực thể bao gồm người nông dân, các nhà máy xay xát, nhà máy lau bóng và các công ty lương thực cùng tham gia trực tiếp vào bốn hoạt động chính đó là sản xuất, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ. Giữa các thực thể trong chuỗi cung ứng luôn tồn tại các mối quan hệ và

tương tác lẫn nhau để cùng thực thi mục đích chung là nâng cao lợi nhuận của toàn chuỗi.

Dựa vào đó, thì lý thuyết hệ thống được tác giả sử dụng để phân tích thực trạng vận hành chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL. Bên cạnh các yếu tố đầu vào, hiệu quả đầu ra thì sự tương tác giữa các quá trình, thực thể cũng được phân tích đánh giá theo quan điểm trên, để đạt được bức tranh thực trạng toàn diện về chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL.

Tuy nhiên, mục tiêu nghiên cứu của đề tài là tập trung vào tác nhân “Người nông dân” trong chuỗi cung ứng, để từ đó đưa ra các giải

pháp liên quan nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của hộ nông dân và đảm bảo tính ổn định trong hoạt động nông nghiệp. Do đó, Tác giả đã lấy “Nông dân” làm trọng tâm cho việc phân tích, nên mô hình chuỗi cung ứng được mô tả trong hình 3 được khái quát hóa thành mô hình hệ thống như hình 5 bên dưới.

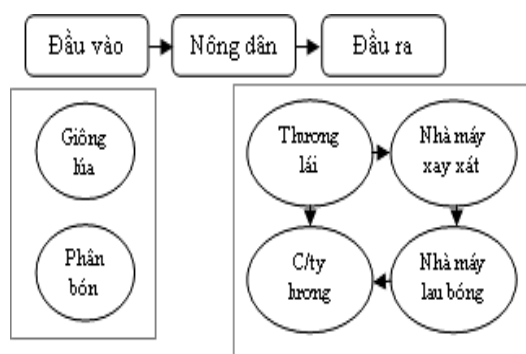


Hình 5. Chuỗi cung ứng theo mô hình hệ thống

Khi đó, các tác nhân tham gia vào chuỗi cung ứng và các hoạt động liên quan được phân tích xoay quanh đối tượng người nông dân trong chuỗi cung ứng.

3. THỰC TRẠNG CHUỖI CUNG ỨNG

Đặt trong quan hệ kinh tế được thể hiện dưới dạng chuỗi giá trị, nông dân trồng lúa ĐBSCL liên kết đến hai nhóm tác nhân chủ yếu, một là nhóm tác nhân cung cấp các yếu tố đầu vào cho sản xuất và hai là nhóm tác nhân tiêu thụ lúa của nông dân.



Hình 6. Mối xích nông dân trong chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL

Nguồn: Tác giả

3.1. Đầu vào của chuỗi cung ứng

Các yếu tố đầu vào ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng của lúa gạo trong quá trình gieo trồng gồm đất, giống, nước, phân bón... Việc phân tích thực trạng đầu vào của chuỗi

cung ứng sẽ giúp đánh giá nguồn nguyên liệu, năng lực nhà cung cấp cho hoạt động nông nghiệp tại ĐBSCL. Trong phạm vi nghiên cứu, tác giả chỉ phân tích hai yếu tố đầu vào là giống và phân bón vì hai yếu tố này có tính thương mại trong chuỗi cung ứng và liên quan đến năng lực của các nhà cung cấp cho việc sản xuất lúa gạo.

3.3.1. Giống lúa

Giống lúa được xem là nhân tố hàng đầu trong việc nâng cao năng suất, sử dụng giống tốt tước tính sẽ tăng năng suất từ 30 - 50% cho một vụ gieo trồng.

Diện tích đất gieo sạ lúa ở ĐBSCL hiện trên 4 triệu ha (năm 2014), nhu cầu lúa giống cho sản xuất lên tới 490.000 tấn/năm (theo định mức 120 kg/ha), nhưng thực tế nông dân sử dụng nhiều hơn do những hư hỏng, thất thoát trong quá trình gieo trồng.

Những năm gần đây, nông dân ĐBSCL có xu hướng sử dụng giống lúa cực ngắn ngày với thời gian sinh trưởng từ 88 - 95 ngày (trong điều kiện sạ) thích hợp cả hai vụ Đông Xuân và Hè Thu. Với đặc tính năng suất cao, chất lượng gạo tốt, nhóm giống này đang chiếm khoảng 70% diện tích gieo trồng của toàn vùng.

Bên cạnh đó, nhóm giống cải tiến, năng suất cao đóng vai trò then chốt trong số các giống lúa hiện đang sử dụng ở ĐBSCL (chiếm 85% diện tích). Trong đó, tỉ lệ giống cao sản chất lượng cao ngày càng tăng và chiếm tới 55 - 60% diện tích lúa.

Các loại giống trên đã góp phần quan trọng trong việc tăng chất lượng và giá trị hạt gạo ĐBSCL trong thời gian qua.

Nông dân ĐBSCL thường chọn hạt giống qua ba nguồn cung cấp sau:

- Nông dân đề giống từ vụ trước để gieo trồng: năng lực cung ứng lúa giống của nhà cung cấp

địa phương chỉ đáp ứng được khoảng 10% nhu cầu lúa giống. Chính vì vậy, mà phần lớn nông dân đều phải tự chủ động nguồn giống theo kiểu “làm vụ này để lại cho vụ sau”.

- Nông dân mua hạt giống từ những cánh đồng lúa có năng suất cao.
- Nông dân mua hạt giống trực tiếp các trại cây giống hoặc trung tâm giống lớn của Quốc gia.

Chi phí giống chiếm khoảng 11% tổng chi phí gieo trồng của vụ. Giá lúa giống thường cao gấp 2 - 3 lần lúa hàng hóa nên nông dân ngại bỏ tiền ra mua giống nếu gieo sạ với diện tích lớn.

Hơn nữa, các cơ sở bán lúa giống thường ở rất xa, nông dân muốn mua nhiều cũng không có phương tiện vận chuyển về nhà. Thêm vào đó, giống mua ở các cơ sở sản xuất so với giống nông dân tự làm cũng không khác nhiều, chủ yếu các cơ sở dùng máy để loại các hạt không đạt yêu cầu.

3.3.2. Phân bón

Phân bón có vai trò hết sức quan trọng trong thâm canh tăng năng suất lúa. Trong đó, phân đạm (N) góp phần tăng năng suất từ 40 – 45%, lân (P) từ 20 – 30% và phân kali (K) từ 5 – 10% (Phạm Sỹ Tân, 2008). Bón phân cân đối và theo nhu cầu của cây lúa là cách tốt nhất để đạt năng suất cao, có hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.

Hiện tại, nước ta có khoảng 300 doanh nghiệp sản xuất phân bón, nhưng trình độ công nghệ của các cơ sở sản xuất còn chênh lệch. Do đó, dù sản lượng sản xuất phân bón tăng từ năm 2000 đến nay (khoảng 42% - 50%), nhưng chất lượng vẫn không đồng đều. Thêm vào đó, giá phân bón từ các cơ sở sản xuất đến tay người nông dân vẫn ở mức cao, do qua nhiều khâu trung gian phân phối và chi phí vận chuyển cao ở các vùng quê ĐBSCL. Vấn đề nhập khẩu

phân urê do năng lực sản xuất trong nước chỉ đáp ứng khoảng 60% nhu cầu cho vụ đông xuân hàng năm, cũng là yếu tố làm giá phân bón tăng cao trong thời gian qua.

Nông dân ĐBSCL không có nhiều vốn, nên người dân thường phải mua trước và trả sau khi thu hoạch. Với hiện trạng trên thì chi phí phân luôn cao hơn 11%, thuốc bảo vệ thực vật trung bình hơn 15%. Cộng thêm các khoản chi phí phát sinh do mua trước trả sau thì, trung bình hằng năm nông dân phải gánh chịu khoảng 45% chi phí liên quan đến phân bón và các loại thuốc thực vật.

3.2. Nông dân

ĐBSCL, nơi chiếm $\frac{1}{2}$ sản lượng lúa, có gần 2 triệu hộ dân với hơn 2 triệu ha đất canh tác - đó là một tập hợp rời rạc của hàng triệu nông dân sản xuất trên mảnh ruộng của mình. Do tính chất sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, nên nông dân trở thành mất xích dễ bị tổn thương trong chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, sự biến động của các yếu tố đầu vào như giống, phân bón..., không nắm bắt được thông tin nhu cầu về sản lượng và chất lượng, sản xuất theo thói quen mùa vụ, không có sự quy hoạch vùng sản lượng, đã ảnh hưởng nhiều đến việc sản xuất lúa gạo ở ĐBSCL.

Khi giá lúa giảm thì nông dân là mất xích gánh chịu thiệt hại nhiều nhất, do ở đầu nguồn cung trong chuỗi cung ứng. Ngược lại, khi giá lúa tăng, nông dân cũng không phải là người được hưởng lợi trọn vẹn, do quá trình cung ứng qua nhiều mất xích trung gian trong chuỗi cung ứng. Điều đó, giải thích rõ thực trạng “Được mùa mất giá” trong thời gian qua tại ĐBSCL.

Nằm trong chuỗi giá trị lúa gạo của ĐBSCL, thì 93% sản lượng lúa của nông dân, được thu gom bởi các nhà thương lái nhỏ lẻ tại từng khu vực sản xuất; trong khi đó, không đến

7% là bán trực tiếp cho các công ty lương thực và nông trường sản xuất. Qua đó, sự chèn ép về giá mua và rủi ro đầu ra đã gây nhiều trở ngại cho các hộ gia đình trồng lúa.

Kết quả khảo sát 100 hộ nông dân tại các tỉnh An Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng thì 85% ý kiến đồng ý việc bán lúa cho thương lái sẽ dễ dàng trong kiểm tra chất lượng lúa hơn là các công ty lương thực và 76,5% nông dân thì không có phương tiện để vận chuyển lúa ra các công ty lương thực, nông trường để bán. Hay nói cách khác, thương lái sẽ đến thu gom lúa tại nhà, nên nông dân sẽ đỡ trong các khâu còn lại của quá trình phân phối lúa sau thu hoạch. Kết quả khảo sát còn cho biết rằng 92% nông dân bán lúa gạo cho thương lái sẽ dễ dàng trong phương thức thanh toán do không cần hợp đồng hay ký kết; tuy nhiên điều này sẽ dẫn đến rủi ro đầu ra cao cho người nông dân khi thương lái sẵn sàng bỏ cọc không thu gom lúa do mất giá.

Bên cạnh thương lái, nông dân ĐBSCL còn bán lúa cho các nhà máy xay xát và trực tiếp tại các công ty lương thực; tuy nhiên tỷ lệ này thì rất ít thường dưới 5% (Võ Thị Thanh Lộc, Nguyễn Phú Sơn, 2011). Giải thích điều này, là do các công ty lương thực chỉ thu mua trực tiếp theo các hợp đồng cánh đồng mẫu lớn và những nông dân gieo trồng trong vùng quy hoạch lương thực. Các nhà máy xay xát đặt gần khu vực gieo trồng và có hoạt động thương mại thì thu mua lúa của nông dân để xay xát và bán lại cho các công ty lương thực hoặc thương lái. Tuy nhiên số lượng này rất ít, vì phần lớn các nhà máy xay xát chỉ gia công xay xát theo hợp đồng của thương lái và công ty lương thực.

Xem xét mối quan hệ hợp tác giữa các tác nhân trong chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL, thì nông dân có mối quan hệ mật thiết với bộ phận thương lái hơn là các nhà máy xay xát và công ty lương thực. Vì thương lái là nguồn tiêu thụ chính lúa gạo của nông dân sau khi thu hoạch.

Bên cạnh đó, một số thương lái sẵn sàng thu mua khi lúa còn ngoài đồng và tài trợ vốn (tiền cọc) cho nông dân để trang trải các chi phí liên quan khi thời gian thu hoạch và gieo trồng kéo dài. Đặt trong mối quan hệ này, thì thương lái là tác nhân chủ yếu tạo ra lợi nhuận cho người nông dân, nhưng đây chỉ là mất xích trung gian, nên sự giao động về giá từ nguồn cung là người nông dân và thị trường tiêu thụ chính là lợi nhuận mà thương lái đạt được. Kết quả khảo sát chỉ ra khoảng chênh lệch lợi nhuận khi nông dân bán lúa gạo trực tiếp cho công ty lương thực và bán qua thương lái là hơn 50%, được thể hiện qua lợi nhuận người nông dân thu được trên mỗi kg lúa sau vụ gieo trồng.

Khảo sát giá bán lúa trung bình tại ba tỉnh An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu năm 2014 là 5.950 đ/kg. Trong khi các khoản chi đầu vào bao gồm giống, phân bón và các chi phí khác như chi phí vận chuyển, chi phí cho tới tiêu... chiếm gần 90% giá thành sản xuất tại ĐBSCL (Võ Thị Thanh Lộc, Nguyễn Phú Sơn, 2011). Với giá bán trên thì lợi nhuận người nông dân đạt được là 595 đ/kg lúa, trong trường hợp bán qua thương lái. Khi nông dân bán lúa trực tiếp cho công ty lương thực thì giá bán chênh lệch tăng 51.13%; khi đó, lợi nhuận trung bình trên một kg lúa người nông dân có được sẽ tăng hơn 50% (khoảng 899 đ/kg lúa). Khoảng tăng chênh lệch này là khá cao và được xem là lợi nhuận trong mất xích đầu tiên mà thương lái hưởng được từ hoạt động thu mua của mình.

Với các chính sách phát triển nông nghiệp hiện nay, nông dân ĐBSCL nhận được nhiều hỗ trợ về vốn, công nghệ và các kỹ thuật canh tác thông qua các chương trình tập huấn của Nhà nước. Tuy nhiên, với một số khó khăn còn tồn đọng trên người nông dân còn phải bỏ nhiều thời gian, chi phí, sức lao động mà giá bán lúa vẫn thấp hơn nhiều so với các nước khác trên Thế giới, cuộc sống vẫn chưa được

ổn định do đầu ra vẫn còn nhiều bất bình và rủi ro về nhu cầu.

3.3. Đầu ra của chuỗi cung ứng

Theo mô hình chuỗi giá trị lúa gạo ĐBSCL (Võ Thị Thanh Lộc, Nguyễn Phú Sơn, 2011) thì đầu ra của chuỗi cung ứng bao gồm các thương lái, nhà máy xay xát và công ty lương thực. Ba đối tượng trên có mối tương tác trực tiếp với mắt xích nông dân qua hoạt động thu gom lúa gạo; do đó, phân tích thực trạng các tác nhân, sẽ giúp hiểu được các vấn đề xoay quanh vòng chảy lúa gạo của nông dân ĐBSCL trước khi đến người tiêu dùng.

3.3.1. Thương lái

Thương lái là một thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong chuỗi cung ứng lúa gạo. Thương lái thường được hiểu là người thu gom nông sản, hàng hóa từ nông dân. Quy mô hoạt động từ nhỏ đến lớn, chủ yếu là mô hình kinh tế hộ gia đình; do đó, số lượng lúa gạo thu gom thường không nhiều và phân bố không tập trung. Thương lái đảm trách nhiều khâu khác nhau trong chuỗi cung ứng lúa gạo như: thu gom, phơi sấy, xay xát, dự trữ, bảo quản và chế biến gạo thương phẩm.

Thương lái thu gom nguyên liệu lúa từ các hộ sản xuất đơn lẻ, sau đó bán lại cho doanh nghiệp, đại lý của doanh nghiệp chế biến và các cơ sở xay xát chế biến nhỏ của tư nhân trong vùng. Ước tính hàng năm thương lái thu mua khoảng 90% sản lượng lúa từ nông dân (Hiệp hội lương thực Việt Nam).

Tại mắt xích thương lái, lúa gạo được tiêu thụ qua ba đối tác đó là: các nhà máy xay xát (30,3%), các công ty lương thực (47,8%) và các siêu thị, cửa hàng bán lẻ (15%). Qua khảo sát một số thương lái tại khu vực An Giang, Sóc Trăng thì biết được rằng giữa thương lái và nhà máy xay xát có quan hệ bạn hàng chặt chẽ hơn so với nông dân do đối với thương lái, nhà

máy xay xát hay công ty lương thực là khách hàng tiêu thụ sản phẩm. Để duy trì mối quan hệ tốt đẹp đó, thương lái thường phải chấp nhận việc thanh toán sau khi cung cấp lúa gạo cho các đối tác tiêu thụ (61,3% thương lái đồng ý). Điều đó, dẫn đến việc thanh toán cho nông dân cũng chậm trễ, điều này đã chứng minh rõ hiệu ứng lan truyền trong chuỗi cung ứng. Đồng thời, thấy rằng đặt trong mối quan hệ chuỗi cung ứng, các mắt xích đều có ảnh hưởng và tác động lẫn nhau. Hoạt động kinh doanh của thương lái sẽ bị ảnh hưởng bởi các tác nhân tiêu thụ trên; theo đó, hoạt động sản xuất của người nông dân ĐBSCL cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi thương lái. Nhưng ảnh hưởng mà người nông dân gánh chịu sẽ tăng theo cấp số nhân so với thương lái do nông dân là mắt xích cuối cùng trong chuỗi và rất xa khách hàng tiêu thụ cuối cùng. (Theo hiệu ứng cái roi gia trong chuỗi cung ứng).

Cuối cùng, thương lái vẫn là mắt xích trung gian trong chuỗi cung ứng, vẫn phải gánh chịu những tổn thương về nhu cầu, giá cả, sản lượng lúa khi có những biến động từ thị trường; tuy nhiên, vai trò của thương lái trong chuỗi cung ứng lúa gạo hiện nay tại ĐBSCL là vô cùng quan trọng. Thương lái đóng vai trò trung gian vận chuyển nguyên vật liệu từ tay người nông dân đến các doanh nghiệp chế biến gạo, cơ sở xay xát. Mắt xích này sẽ giải quyết các vấn đề nan giải của doanh nghiệp chế biến gạo do không đủ nhân lực, thiếu kinh nghiệm chuyên môn và cơ sở hạ tầng kỹ thuật như vận chuyển, phơi sấy, kho bảo quản và nguồn vốn không ổn định.

Bên cạnh thương lái, một nhóm trung gian cần được quan tâm trong chuỗi cung ứng, mà các nghiên cứu trước đây ít đề cập đến đó là bộ phận “Cò lúa”. Cò lúa là đối tượng trung gian môi giới giữa thương lái và nông dân để nhận tiền hoa hồng từ hai phía. Theo kết quả khảo sát tại địa bàn ba tỉnh An Giang, Sóc Trăng,

Bạc Liêu thì lực lượng cò lúa chiếm gần 30% các hoạt động thu mua của thương lái. Một môi giới mua bán thành công, cò lúa có thể đạt được gần 20% giá trị thu mua từ thương lái và nông dân. Điều này, làm giảm giá trị trong chuỗi cung ứng lúa gạo, đồng tiền đến tay người nông dân đã ít, còn phải chia ra nhiều nhánh. Cò lúa có thể điều khiển hoạt động là vì tính linh hoạt, chịu khó đi vào các vùng sâu vùng xa và am hiểu địa bàn khu vực, vì vậy thường là do người dân bản xứ đảm nhận vai trò này.

Qua phân tích, thấy rằng đây là một mắt xích trung gian hoàn toàn có thể loại bỏ ra khỏi chuỗi cung ứng, nếu bộ phận thương lái có các chính sách để xây dựng tốt quan hệ với người nông dân, xem người nông dân như một nhà cung cấp nguyên liệu tốt, đáng tin cậy và trung thành để duy trì tính ổn định của chuỗi cung ứng.

3.3.2. Nhà máy xay xát

Nhà máy xay xát có vai trò chuyển đổi nguyên liệu lúa thành gạo trong chuỗi cung ứng. Hầu hết các cơ sở xay xát đều được đặt ở vị trí thuận lợi cho việc vận chuyển, đặc biệt là gần sông ngòi. Hiện nay, có khoảng 1250 nhà máy xay xát đang hoạt động trên khắp các tỉnh ĐBSCL. Năng suất trung bình của các nhà máy là 170,2 tấn/ngày, với lượng lúa xay xát trung bình 136 tấn/ngày (Nguyễn Công Thành, 2011). Phần lớn các nhà máy chưa hoạt động hết công suất thiết kế (80%) nên nguồn cung cho hoạt động xay xát trong chuỗi cung ứng còn khá lớn. Bên cạnh đó, tần suất hoạt động của các nhà máy cũng không đồng đều trong năm, hoạt động nhiều từ tháng ba đến tháng tám, đây là các tháng có nhu cầu tiêu thụ gạo lớn. Qua đó, thấy rằng nguồn lực nhà máy xay xát trong chuỗi cung ứng lúa gạo hiện nay chưa sử dụng hiệu quả; trong khi, chi phí đầu tư công nghệ cao. Tuy nhiên, để giải quyết vấn đề này thì bài toán quy hoạch vị trí đặt của nhà

máy sao cho cân bằng chi phí vận chuyển giữa các vùng và chi phí lưu trữ khi vận hành là vấn đề cốt lõi.

Để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu lúa gạo, hiện tại có hai mô hình nhà máy xay xát:

- Nhà máy xay xát thực hiện công đoạn bóc tách vỏ trấu, chà xát, làm trắng gạo để cung cấp cho thị trường nội địa.

- Nhà máy xay xát chỉ thực hiện công đoạn bóc tách vỏ trấu, việc làm trắng gạo do các cơ sở lau bóng thực hiện để cung cấp cho các công ty xuất khẩu. Các cơ sở lau bóng này thuộc sự quản lý của công ty xuất nhập khẩu.

Đầu ra của các nhà máy xay xát, bên cạnh các hợp đồng gia công thì lúa sau khi chà xát được tiêu thụ bởi các đối tác trong bảng 3.1

Bảng 2. Đối tác tiêu thụ của nhà máy xay xát

Đối tác tiêu thụ	% tiêu thụ	Hình thức tiêu thụ
Nhà máy lau bóng	9.3	Bán gạo lúc thông qua thỏa thuận
Công ty lương thực	23	Bán lúa hoặc bán gạo thành phẩm trực tiếp tại nhà máy theo yêu cầu của công ty.
Siêu thị, Bán sỉ/lẻ	16	Bán gạo thành phẩm trực tiếp tại nhà máy yêu cầu của bán buôn lẻ

Nguồn: Tác giả, 2014

Theo mô hình chuỗi cung ứng lúa ĐBSCL (mục 2.2), thì nguyên liệu đầu vào chính của nhà máy xay xát nhận từ thương lái (40%), lượng nguyên liệu nhận từ nông dân thì rất thấp. Điều trên đồng nghĩa với việc chi phí nguyên liệu đầu vào của nhà máy xay xát sẽ cao, do không mua trực tiếp từ người nông dân; khi đó, lợi nhuận của nhà máy sẽ thấp nếu

không vận hành và quản lý tốt. Một số nghiên cứu về sản xuất tinh gọn, sản xuất xanh sạch đang được nhiều tác giả thực hiện để áp dụng cho các nhà máy xay xát nhằm loại bỏ lãng phí, duy trì lợi nhuận khi chi phí đầu vào cao như hiện nay. Đây là một cơ hội cải tiến cho chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL nói riêng và Việt Nam nói chung nếu các nghiên cứu trên được triển khai tại các nhà máy.

Một phụ phẩm của các nhà máy xay xát hiện chưa có đầu ra ổn định đó là trấu. Các nhà máy xay xát tiêu thụ trấu bằng cách cho không các nhà máy sản xuất gạch hoặc bán với giá rẻ cho người có nhu cầu làm gỗ củi. Tuy nhiên thường vào mùa thu hoạch như Đông Xuân, thì phụ phẩm thải ra nhiều nơi không tiêu thụ hết phải đổ xuống sông gây ô nhiễm môi trường. Trong khi ở một số vùng thì giá trấu tăng bất thường từ 200 - 250 đồng/kg lên 600 - 700 đồng/kg gây khó khăn cho các cơ sở sản xuất gạch ngói (Quốc Dũng, 2012). Qua đó, thấy rằng cần phải có các nghiên cứu cho việc thu gom, phân phối phụ phẩm của các nhà máy xay xát để đạt được hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội và môi trường.

3.3.3. Nhà máy lau bóng

Lau bóng là khâu đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu; bởi vì, chỉ khi qua khâu này hạt gạo mới có đủ tiêu chuẩn để xuất khẩu. Các nhà máy lau bóng tại ĐBSCL phần lớn là do các công ty xuất nhập khẩu lương thực đầu tư xây dựng, để phục vụ hoạt động của công ty, một số ít còn lại là do tư nhân đầu tư để lau bóng gạo bán cho các công ty lương thực. Hằng năm, các nhà máy lau bóng tư nhân chỉ cung cấp hơn 10% sản lượng gạo đạt tiêu chuẩn cho xuất khẩu, với đầu vào duy nhất từ các nhà máy xay xát, phần còn lại hơn 60% là do các nhà máy lau bóng thuộc công ty lương thực cung cấp với đầu vào trực tiếp từ các nguồn thu mua của công ty lương thực. Trong tổng lợi nhuận của chuỗi cung ứng

thì các nhà máy lau bóng sẽ nhận được giá trị gia tăng thuần hàng năm gần 6%.

3.3.4. Công ty lương thực

Tại mỗi tỉnh của ĐBSCL đều có một công ty lương thực, bên cạnh các tiểu thương bán sỉ và lẻ để phân phối gạo thành phẩm đến thị trường tiêu dùng trong và ngoài nước. Tổng công ty lương thực miền Nam có trách nhiệm liên kết và hỗ trợ cho các công ty này hoạt động. Tổng công ty lương thực miền Nam sở hữu một hệ thống các nhà máy, kho bãi tập trung chủ yếu ở các tỉnh ĐBSCL để phục vụ cho việc tồn trữ, chế biến nông sản xuất khẩu. Hệ thống này có tổng năng lực kho chứa là 1,15 triệu tấn và tổng công suất xử lý, xát trắng, đánh bóng gạo là 740 tấn/ giờ, tương đương 3 triệu tấn/năm.

Các công ty lương thực cung cấp gạo thành phẩm cho hai thị trường với tỷ lệ tương ứng 70,5% xuất khẩu và 1,5% tiêu dùng trong nước, lượng còn lại được tồn trữ để đảm bảo lương thực cho đất nước khi có biến động.

Nguồn cung ứng đầu vào chính của công ty lương thực là từ nhà máy xay xát. Sản phẩm đầu ra của nhà máy xay xát ở hai dạng chính là gạo đã được lau bóng và gạo thô, chưa qua lau bóng. Tùy theo quy mô và điều kiện mà công ty lương thực sẽ chọn sản phẩm đầu vào tương ứng. Sản phẩm đầu ra của công ty lương thực chủ yếu là phục vụ cho thị trường xuất khẩu. Đây là nhân tố chính trong khâu thương mại hóa đưa gạo đến thị trường nước ngoài.

Là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng và gần khách hàng cuối cùng nhất, nhưng các công ty lương thực không định hướng được thị trường về chất lượng, số lượng và chủng loại gạo nên không có thông tin cho người dân và thương lái, dẫn đến tình trạng dư cung các loại gạo chất lượng thấp, thiếu hụt các loại gạo chất lượng cao phục vụ xuất khẩu. Tình trạng này diễn ra do trong chuỗi cung ứng chưa hình

thành công cụ và phương pháp thu thập thông tin liên quan đến thị trường tiêu thụ. Phần lớn các số liệu thống kê được lấy từ Cục thống kê, nhưng đó chỉ là số liệu chung cho toàn đất nước, chưa thực sự phản ánh đúng nhu cầu tiêu thụ gạo trên thị trường của từng công ty lương thực tại từng khu vực trên địa bàn ĐBSCL. Các công ty cần phải có cơ chế và phương pháp để dự báo nhu cầu tiêu dùng cho mình để tiến hành thu mua, sản xuất đúng nhu cầu về chất lượng và số lượng. Thêm vào đó, gạo là sản phẩm thiết yếu, nên các công ty cũng có tinh thần ý lại, ít quan tâm đến nhu cầu khách hàng. Ngược lại, trong trường hợp có thông tin về thị trường, thì trong chuỗi cung ứng chưa có các cơ chế chia sẻ thông tin và hệ thống cơ sở vật chất hỗ trợ việc chia sẻ thông tin, nên thông tin vẫn không đến được mắt xích cuối cùng của chuỗi là nông dân và các nhà cung cấp giống, phân bón...

Chia sẻ thông tin, một nguyên tắc quan trọng, trong chuỗi cung ứng; tuy nhiên, điều này chưa được nhận thức và triển khai mạnh mẽ giữa các mắt xích trong chuỗi, nên đã dẫn đến một số khó khăn đang gặp phải hiện nay. Để vận hành chuỗi cung ứng, vai trò của các công ty lương thực là vô cùng quan trọng, do đó là mắt xích gắn khách hàng nhất. Xây dựng mối quan hệ và chia sẻ thông tin dọc chuỗi giữa mắt xích sẽ giúp nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng gạo lúa; tuy nhiên, để thực hiện điều này cần phải có nhiều các nghiên cứu liên quan để đánh giá khả thi và triển khai áp dụng.

4. VẤN ĐỀ TỒN ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP

Từ những phân tích thực trạng theo mô hình hệ thống gồm đầu vào, đầu ra và quá trình của từng tác nhân trong chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL, tác giả đưa ra một số vấn đề hệ thống đang gặp phải và đề xuất các giải pháp liên quan. Tuy nhiên, ở góc độ quản lý vận hành, các vấn đề và giải pháp tác giả đề xuất chỉ xoay quanh các công cụ, phương pháp và quy trình

giúp nâng cao năng lực chuỗi cung ứng ĐBSCL.

4.1. Vấn đề tồn đọng

Vấn đề thiếu thông tin và cơ chế chia sẻ thông tin trong chuỗi cung ứng đã đưa đến các thực trạng vận hành như phân tích. Để vận hành chuỗi cung ứng hiệu quả các thông tin liên quan đến sản phẩm, nhu cầu,... phải được chia sẻ ngược chiều chuỗi cung ứng - nghĩa là lan truyền từ mắt xích gần khách hàng nhất (Levi và đồng sự, 2000). Tuy nhiên, trong chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL điều này chưa được nhận thức rõ ràng bởi các tác nhân trong chuỗi.

Đối với tác nhân “Công ty lương thực” phần nhiều chưa có các phương pháp, công cụ để thu thập và dự báo nhu cầu khách hàng. Các số liệu được tham khảo chung từ Cục thống kê nên không giúp công ty xác định rõ nhu cầu, từ đó gây khó khăn cho việc quy hoạch nguyên liệu, thu mua, sản xuất và bảo quản. Mặc dù sản phẩm lúa gạo có thời gian dự trữ tương đối (3 đến 6 tháng); tuy nhiên, nhiều công ty lương thực phải tồn kho với thời gian dài đã ảnh hưởng đến vòng quay tồn kho và các chi phí tài chính liên quan.

Trong tất cả các mắt xích của chuỗi cung ứng từ sản xuất, vận chuyển, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm thì các phụ phẩm và lãng phí còn phát sinh rất nhiều. Điều này phần lớn do quá trình cơ giới hóa chưa được toàn diện và đồng bộ. Hệ thống kho bãi lưu trữ chưa đáp ứng đúng và đủ nhu cầu sử dụng. Bên cạnh đó, mạng lưới vận chuyển chưa được hoạch định tốt để các sản phẩm và phụ phẩm đạt được giá trị gia tăng về không gian và thời gian.

Chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL hiện đang tồn tại các tác nhân trung gian nhằm chia sẻ lợi nhuận, mà không tạo ra nhiều giá trị gia tăng trong chuỗi, điển hình như cò lúa. Thương lái là một bộ phận trung gian; tuy nhiên, được

đánh giá là đối tượng quan trọng vì góp phần giải quyết mâu thuẫn về số lượng, chủng loại lúa gạo cho các công ty lương thực và nhà máy xay xát. Đồng thời, thương lái được xem là bộ phận chuyên môn trong việc thu gom lúa gạo, khi các công ty lương thực không đủ năng lực để thực hiện. Tuy nhiên số lượng thương lái quá nhiều đã làm cho chuỗi trở nên cồng kềnh, khó kiểm soát và quản lý, để tạo được lợi nhuận tốt nhất cho những tác nhân trực tiếp tham gia vào chuỗi như nông dân, các công ty lương thực.

Đặt trong vị trí nguồn cung của chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL, việc quy hoạch khu vực gieo trồng chưa được thực hiện rộng khắp. Một số công ty lương thực hoạt động xuất nhập khẩu thì do ràng buộc về chất lượng hạt gạo nên đã thực hiện các chính sách quy hoạch nguồn nguyên liệu; tuy nhiên cần phải thực hiện đồng bộ và đầy đủ cho cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu, để người nông dân biết được chính xác yêu cầu về chất lượng và số lượng trong mỗi vụ gieo trồng, tránh trường hợp được mùa mất giá hay được giá mà không có lúa để bán.

4.2. Giải pháp đề xuất

Hiện nay, nhiều giải pháp giúp nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL đang được nghiên cứu, triển khai áp dụng; tuy nhiên, với từng mục tiêu nghiên cứu, sẽ có các đề xuất các giải pháp khác nhau. Trong phạm vi nghiên cứu của tác giả, một số giải pháp liên quan được đề cập như sau:

Bài toán quy hoạch nguồn nguyên liệu, khu vực gieo trồng tại các tỉnh ĐBSCL nên nghiên cứu và triển khai thực hiện đồng loạt. Điều đó sẽ giúp loại bỏ việc gieo trồng nhỏ lẻ, không bám sát nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Có thể thực hiện chính sách giao khoán sản lượng và yêu cầu chất lượng hạt gạo cho từng khu vực dựa trên các điều kiện đất đai,

nguồn nước, nguồn cung hạt giống, phân bón trong khu vực.

Ở góc độ quản lý vận hành, các lãng phí hiện đang phát sinh trong chuỗi cung ứng có thể được loại bỏ qua việc quản lý tốt nguồn lực, quy trình sản xuất. Các nghiên cứu áp dụng công cụ sản xuất tinh gọn, sản xuất xanh sạch nên được đầu tư thực hiện trong lĩnh vực chế biến lúa gạo nhằm loại bỏ các lãng phí trên.

Bài toán vị trí đặt, hoạch định công suất của các nhà máy xay xát, kho dự trữ và trạm vận chuyển nên được quan tâm thực hiện. Điều đó sẽ giúp tháo gỡ các khó khăn về số lượng, nhu cầu xay xát, lưu trữ tại các vùng miền. Đồng thời qua đó sẽ giúp giảm các chi phí liên quan gia tăng lợi nhuận chuỗi cung ứng.

Hoạch định lại mạng lưới chuỗi cung ứng, xác định đúng tác nhân và vai trò trong chuỗi, nhằm mục tiêu tinh gọn các mắt xích nhằm thuận tiện cho việc vận hành và kiểm soát chuỗi. Mỗi công ty lương thực với nguồn lực đủ mạnh nên xây dựng chuỗi cung ứng cho riêng mình, để tập trung hóa và khai thác hiệu quả tiềm năng các tác nhân trong chuỗi qua. Việc tích hợp dọc, liên kết các mắt xích trong chuỗi cần được nghiên cứu và áp dụng với các công cụ hỗ trợ nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng.

Hệ thống thông tin chuỗi cung ứng cần được triển khai, để thông tin được chia sẻ với tất cả các tác nhân trong chuỗi. Đồng thời nên xây dựng các cơ chế để quản lý thông tin trong chuỗi tránh trường hợp nhiều thông tin gây ra các hiệu ứng lượng dư tồn kho, thiếu hụt nhu cầu trong chuỗi. Các mô hình hệ thống thông tin nên đề xuất nghiên cứu và tích hợp cho từng chuỗi cung ứng đã quy hoạch gắn liền với một chủ thể như công ty lương thực hay các nhà máy xay xát, thương lái đủ tiềm năng và thị trường để đảm nhận.

5. KẾT LUẬN

Hoạt động chuỗi cung ứng lúa gạo ở ĐBSCL còn qua nhiều khâu trung gian, dẫn đến quản lý và kiểm soát chuỗi kém hiệu quả từ đầu vào đến đầu ra cũng như việc chia sẻ thông tin từ đầu ra trở về đầu vào. Thật vậy, lợi nhuận thu được của người nông dân sau một vụ mùa còn rất thấp, không đảm bảo nhu cầu cuộc sống cho chu kỳ gieo trồng kéo dài. Với diện tích sản xuất nhỏ lẻ nên đa số đời sống nông dân chưa cải thiện và thu nhập hàng tháng cho một lao động còn thấp.

Cơ giới hóa đã được áp dụng trong các mắt xích của chuỗi cung ứng; tuy nhiên tính đồng bộ chưa cao. Nhiều khâu trong quá trình sản xuất và chế biến vẫn phải thực hiện bằng phương pháp thủ công nên đã gây ra nhiều lãng phí và tỷ lệ hao hụt cao trong chuỗi cung ứng. Hệ thống kho lưu trữ với các thiết bị vận chuyển và bảo quản tốt chưa đáp ứng đủ nhu cầu lưu trữ trong các mùa cao điểm, phần lớn vẫn lưu trữ tự túc. Mạng lưới vận chuyển vẫn còn nhiều khó khăn, thời gian vận chuyển dài đã không tạo ra giá trị gia tăng về không gian và thời gian cho lúa gạo sau khi sản xuất.

Chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL cần phải tích hợp các hoạt động logistics tại từng mắt xích riêng lẻ thành một hệ thống xuyên suốt; tuy nhiên, để làm được điều đó việc hiểu thực

trạng vận hành của chuỗi là điều quan trọng. Bài báo tập trung phân tích từng tác nhân tham gia vào chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL theo lý thuyết hệ thống gồm đầu ra, đầu vào và các quá trình xử lý bên trong của từng tác nhân. Từ đó xác định được vấn đề và đề xuất giải pháp theo quan điểm quản lý vận hành, nhằm đưa ra các cơ hội nghiên cứu và áp dụng các công cụ tối ưu hóa, quản lý tồn kho vào chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tồn đọng một vài hạn chế về số liệu thu thập và số lượng nông dân, thương lái nghiên cứu chỉ tập trung ở ba tỉnh An Giang, Bạc Liêu và Sóc Trăng. Các vấn đề được xác định và giải pháp đề xuất chỉ tập trung vào lĩnh vực quản lý và vận hành chuỗi cung ứng; trong khi đó, các yếu tố liên quan đến giống lúa, phương thức canh tác, công nghệ sinh học và cơ giới hóa chưa được quan tâm đáng kể. Cuối cùng một số rủi ro liên quan đến quản lý và vận hành chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL chưa được phân tích sâu sắc để có thể đề xuất các giải pháp phù hợp. Và đây có thể phát triển tiếp tục hướng nghiên cứu về nhận thức rủi ro và cơ chế chia sẻ rủi ro trong chuỗi cung ứng lúa gạo ĐBSCL hiện nay.

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường ĐH Bách Khoa trong khuôn khổ đề tài T - CK - 2014 - 04.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Thủy. *Đẩy mạnh sản xuất lúa gạo ở Đồng bằng sông Cửu long*. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2014).
- [2]. Chan, F. T. S. and Qi, H. J. *Feasibility of performance measurement system of supply chain: a process - based approach and measure*. Intergrated Manufacturing System. 14/3. pp. 179 - 190 (2003).
- [3]. Christopher, M. *Logistics and supply chain management*, 4th. Financial Times/Prentice Hall, London. ISBN ISBN9780273731122 (2010).
- [4]. Dong, P. S. *Optimal control and optimization fo stochstic supply chain system*. Springer London. ISBN 9871447147237 (2013).

- [5]. International Council On Systems Engineering. *Systems Engineering Handbook*. INCOSE – TP (2004).
- [6]. Min, H and Zhou, G. *Supply chain modeling: past, present and future*. Comput. Ind. Eng. 43, 231 - 249 (2002).
- [7]. Nguyễn Công Thành và đồng sự. *Nghiên cứu chế biến lúa gạo xuất khẩu ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Viện Khoa học và Kỹ thuật nông nghiệp miền Nam (2013).
- [8]. Nguyễn Văn Sơn. *Bàn về việc hoàn thiện chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu của Việt Nam*. Hội thảo và triển lãm quốc tế về “Hậu cần vận tải hàng hải Việt Nam năm 2013 (2013).
- [9]. Quốc Dũng. *Đồng bằng sông Cửu Long: Giá trấu tăn, lò gạch đóng cửa*. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2012).
- [10]. Simchi - Levi, D và đồng sự. *Designing and Managing the Supply chain: Concepts, Strategies and Case Studies*, 3th. McGraw - Hill, Irwin (2009).
- [11]. Võ Thị Thanh Lộc, Nguyễn Phú Sơn. *Phân tích chuỗi giá trị lúa gạo vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ* (2011).
- [12]. William, N.S, Samuel, J.S and Steven, M.B. *Systems Engineering Principles and Practice*, 2nd, A John Wile & Sons, INC Publication (2010).